HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC U-CRAI-NA

VỀ HỢP TÁC VÀ TƯƠNG TRỢ HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước U-crai-na (sau đây gọi là "các Bên ký kết");

Nhận thấy rằng những vi phạm pháp luật hải quan gây phương hại đến an ninh và sức khoẻ cộng đồng, cũng như các lợi ích kinh tế, thương mại và tài chính của các quốc gia có liên quan;

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tính chính xác thuế hải quan và các thuế khác đối với hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu, xác định đúng về phân loại hàng hoá, trị giá và xuất xứ của hàng hoá đó cũng như việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp cấm, hạn chế và kiểm soát hàng hoá;

Nhận thấy rằng việc buôn lậu ma tuý, các chất hướng thần và các tiền chất ma tuý gây nguy hiểm cho sức khoẻ cộng đồng và xã hội;

Nhận thấy sự cần thiết của hợp tác quốc tế trong các vấn đề liên quan tới việc áp dụng và thực thi pháp luật hải quan;

Tin tưởng rằng các hành động chống vi phạm pháp luật hải quan có thể được thực hiện hiệu quả hơn với thông qua sự hợp tác giữa các Cơ quan Hải quan;

Trên cơ sở Khuyến nghị của Hội đồng Hợp tác Hải quan về Hỗ trợ hành chính lẫn nhau, được thông qua ngày 5 tháng 12 năm 1953;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Định nghĩa

Theo Hiệp định này:

1. “Pháp luật hải quan” có nghĩa là các luật và các quy định pháp lý khác liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu, và quá cảnh hàng hoá hoặc các thủ tục hải quan khác, cũng như liên quan đến việc thu thuế, các loại phí và các khoản thu khác và việc áp dụng các biện pháp cấm, hạn chế và kiểm soát của các Cơ quan Hải quan.

2. "Cơ quan Hải quan" đối với nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa là Tổng cục Hải quan Việt Nam, đối với nước U-crai-na có nghĩa là Cơ quan Hải quan quốc gia U-crai-na.

3. "Vi phạm" có nghĩa là bất kỳ sự vi phạm hoặc cố tình vi phạm pháp luật hải quan.

4. "Cơ quan Hải quan yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan đưa ra yêu cầu trợ giúp theo Hiệp định này hoặc nhận được hỗ trợ tương tự theo sáng kiến của Cơ quan Hải quan Bên kia.

5. "Cơ quan Hải quan được yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan được yêu cầu trợ giúp theo Hiệp định này hoặc cung cấp hỗ trợ tương tự theo sáng kiến của chính mình.

6. "Thông tin" có nghĩa là dữ liệu, bản báo cáo, hồ sơ và tài liệu có thể dưới hình thức thông tin điện tử hoặc dạng khác, hoặc các bản sao của các tài liệu nêu trên.

7. “Công chức” có nghĩa là công chức Hải quan.

8. "Người" bao gồm cả thể nhân và pháp nhân.

9. “Dữ liệu cá nhân” là tất cả tài liệu hoặc các thông tin được công bố công khai về cá nhân có thể nhận dạng được trong vi phạm hải quan.

Điều 2

Phạm vi của Hiệp định

1. Các Bên ký kết sẽ cung cấp cho nhau trợ giúp nhằm đảm bảo áp dụng đúng pháp luật hải quan và an toàn thương mại, việc tính chính xác thuế hải quan và các thuế khác đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và xác định đúng về phân loại, trị giá và xuất xứ của hàng hoá đó.

2. Các Bên ký kết cũng hỗ trợ nhau trong việc đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật hải quan.

3. Hỗ trợ theo Hiệp định này phải được Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết cung cấp và trong giới hạn thẩm quyền và nguồn lực sẵn có của Cơ quan Hải quan đó.

4. Hỗ trợ theo Hiệp định này phải phù hợp với các quy định của pháp luật quốc gia của Quốc gia Bên ký kết được yêu cầu.

5. Các điều khoản của Hiệp định này chỉ nhằm cung cấp trợ giúp hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan giữa các Bên ký kết.

6. Hỗ trợ theo Hiệp định này không bao gồm việc bắt giữ hoặc tạm giữ người hoặc việc thu hoặc cưỡng chế thu các khoản thuế hải quan, các loại thuế khác, tiền phạt, v.v.

Điều 3

Các trường hợp đặc biệt của hỗ trợ

1. Theo yêu cầu và phải phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên ký kết được yêu cầu, Cơ quan Hải quan các Bên sẽ thông báo cho nhau về việc các hàng hoá được xuất khẩu hoặc nhập khẩu hợp pháp từ lãnh thổ hải quan của một Bên ký kết sang lãnh thổ hải quan của Bên ký kết khác. Thông tin này, theo yêu cầu, phải bao gồm thủ tục hải quan được sử dụng để thông quan cho hàng hoá.

2. Theo năng lực của mình và phải phù hợp với pháp luật quốc gia của Quốc gia Bên ký kết được yêu cầu, Cơ quan Hải quan được yêu cầu, theo yêu cầu của Bên kia hoặc theo sáng kiến của chính mình và theo văn bản thoả thuận của Cơ quan Hải quan yêu

cầu, sẽ thực hiện các biện pháp kiểm tra và giám sát đặc biệt đối với và cung cấp thông tin về:

a) phương tiện vận tải bị nghi ngờ được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên lãnh thổ hải quan của Bên ký kết yêu cầu;

b) hàng hoá được Cơ quan Hải quan yêu cầu xem là đối tượng thương mại bất hợp pháp có điểm đến là lãnh thổ hải quan của Bên ký kết yêu cầu;

c) người đã vi phạm hoặc bị nghi ngờ vi phạm pháp luật hải quan trên lãnh thổ hải quan của Bên ký kết yêu cầu;

d) nơi cất giữ hàng hoá bị nghi ngờ một cách có căn cứ là được dùng để phục vụ cho hoạt động nhập khẩu trái phép vào lãnh thổ hải quan của Bên ký kết yêu cầu.

3. Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết, phù hợp với pháp luật quốc gia của Quốc gia Bên ký kết được yêu cầu, sẽ cung cấp cho nhau các thông tin cần thiết, liên quan tới các hành vi vi phạm đã hoặc nghi ngờ sẽ xảy ra trong lãnh thổ hải quan của Bên ký kết kia, mà có thể có ích cho Cơ quan Hải quan yêu cầu. Trong các trường hợp vi phạm có liên quan đến ma tuý, các chất hướng thần và các tiền chất hoặc có thể gây phương hại đến nền kinh tế, sức khoẻ cộng đồng, an ninh hoặc bất kể một lợi ích thiết yếu nào của Bên ký kết kia, thì thông tin đó phải được cung cấp bất cứ khi nào có thể mà không cần phải được yêu cầu.

Điều 4

Hợp tác và trợ giúp về chuyên môn nghiệp vụ

1. Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết, trên cơ sở sáng kiến của chính mình hoặc được yêu cầu, sẽ cung cấp cho nhau thông tin liên quan đến:

a) các hoạt động kiểm soát được coi là hữu hiệu nhằm ngăn chặn các vi phạm, đặc biệt là các biện pháp đấu tranh chống vi phạm;

b) các phương thức, thủ đoạn vi phạm mới;

c) hàng hoá được biết là đối tượng vi phạm pháp luật hải quan, cũng như các phương thức vận chuyển và tàng trữ những hàng hoá này;

d) người được biết là có liên quan đến một hành vi vi phạm hoặc bị nghi ngờ sẽ liên quan đến một hành vi vi phạm pháp luật hải quan;

e) các dữ liệu có thể giúp các Cơ quan Hải quan trong việc đánh giá rủi ro phục vụ các mục đích kiểm soát và tạo thuận lợi thương mại;

f) các trường hợp mà Cơ quan Hải quan yêu cầu có lý do để nghi ngờ thông tin được cung cấp bởi người có liên quan trong các vấn đề hải quan;

g) các đánh giá và kết quả thu được từ việc áp dụng thành công các chương trình viện trợ và kỹ thuật mới;

h) các phương pháp kỹ thuật và cải tiến trong việc xử lý đối với hành khách và hàng hóa; và

i) thông tin về pháp luật hải quan của mỗi Bên ký kết.

2. Các Bên ký kết, thông qua các Cơ quan Hải quan của mình, sẽ tiến hành hợp tác trong các lĩnh vực:

a) đề xuất sáng kiến, xây dựng hoặc cải tiến các chương trình đào tạo công chức cụ thể của Hải quan mỗi Bên;

b) thiết lập và duy trì các kênh liên lạc giữa các Cơ quan Hải quan của hai Bên nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin một cách bảo mật và nhanh chóng;

c) tạo thuận lợi cho việc điều phối hiệu quả giữa các Cơ quan Hải quan của hai Bên bao gồm việc trao đổi cán bộ, chuyên gia và cử các nhân viên liên lạc;

d) đánh giá và kiểm tra các quy trình thủ tục và trang thiết bị mới;

e) đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan của mỗi Bên; và

f) các vấn đề hỗ trợ hành chính chung khác theo từng thời điểm và yêu cầu phối hợp hành động chung của các Bên.

Điều 5

Trao đổi yêu cầu

1. Các yêu cầu thực hiện theo Hiệp định này được gửi dưới dạng văn bản. Các tài liệu được coi là hữu dụng cho việc thực hiện yêu cầu đó, khi đã có, phải được gửi kèm yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, cũng có thể yêu cầu bằng lời, nhưng ngay sau đó phải khẳng định lại bằng văn bản.

2. Các yêu cầu thực hiện theo Khoản 1 của Điều này phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. tên cơ quan gửi yêu cầu;

b. đặc điểm của vụ việc;

c. đề nghị hỗ trợ, mục đích và lý do yêu cầu;

d. tên và địa chỉ của các bên liên quan trong yêu cầu, nếu biết;

e. mô tả vắn tắt vấn đề đang xem xét và các khía cạnh pháp lý có liên quan; và

f. mối liên hệ giữa yêu cầu hỗ trợ và vấn đề có liên quan đến yêu cầu hỗ trợ đó.

3. Tất cả các yêu cầu và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ hành chính của Cơ quan Hải quan được yêu cầu hoặc bằng ngôn ngữ được cả hai Cơ quan Hải quan chấp nhận.

4. Nếu một yêu cầu không đáp ứng được các điều kiện chính thức như quy định tại Khoản 2 của Điều này, thì có thể đề nghị bổ sung hoặc hoàn thành các yêu cầu đó. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng tới việc chỉ dẫn các biện pháp phòng ngừa.

5. Việc trợ giúp sẽ được thực hiện thông qua trao đổi trực tiếp giữa các Cơ quan Hải quan của mỗi Bên.

Điều 6

Thực hiện yêu cầu

1. Cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ tiến hành tất cả các biện pháp hợp lý để thực hiện yêu cầu sớm nhất có thể.

2. Nếu Cơ quan Hải quan được yêu cầu không có thông tin được yêu cầu, thì họ sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin đó. Khi cần, Cơ quan Hải quan được yêu cầu có thể được các cơ quan chức năng khác của Bên ký kết được yêu cầu

trợ giúp. Tuy nhiên, việc trả lời các yêu cầu chỉ được thực hiện bởi Cơ quan Hải quan được yêu cầu.

3. Trường hợp Cơ quan Hải quan được yêu cầu không phải là cơ quan thích hợp đáp ứng thực hiện yêu cầu, thì họ hoặc sẽ chuyển ngay yêu cầu đó đến cơ quan thích hợp để thực hiện yêu cầu theo thẩm quyền của cơ quan đó được quy định trong pháp luật quốc gia của Quốc gia Bên ký kết được yêu cầu hoặc thông báo cho Cơ quan Hải quan yêu cầu các thủ tục phù hợp để thực hiện yêu cầu đó.

4. Cơ quan Hải quan của mỗi Bên ký kết, trên cơ sở yêu cầu của Cơ quan Hải quan phía Bên ký kết kia, sẽ tiến hành các hoạt động cần thiết, bao gồm việc thẩm vấn các chuyên gia và tiến hành xác minh, kiểm tra và tìm hiểu sự thật liên quan đến các vấn đề được đề cập đến trong Hiệp định này. Các kết quả của quá trình xác minh, kiểm tra và tìm hiểu sự thật đó sẽ được chuyển cho Cơ quan Hải quan yêu cầu trong thời gian sớm nhất có thể.

5. Các cán bộ hải quan của một Bên ký kết có thể có mặt trên lãnh thổ hải quan của Bên ký kết kia theo lời mời chính thức.

Điều 7

Hồ sơ tài liệu

1. Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết, trên cơ sở yêu cầu và phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên ký kết được yêu cầu, sẽ cung cấp thông tin liên quan đến việc vận chuyển và đóng hàng, về trị giá, xuất xứ, cách sắp xếp và nơi đến của những hàng hóa đó.

2. Cơ quan Hải quan được yêu cầu, cùng với việc cung cấp các thông tin, sẽ nêu ra các chỉ dẫn cần thiết cho việc sử dụng hoặc giải nghĩa tài liệu.

Điều 8

Các trường hợp từ chối hỗ trợ

1. Trong các trường hợp Cơ quan Hải quan của Bên ký kết được yêu cầu cho rằng việc cung cấp hỗ trợ theo Hiệp định này sẽ vi phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, chính sách quốc gia hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia hoặc liên

quan đến vi phạm bí mật quốc gia hoặc các bí mật khác được pháp luật bảo vệ thì có thể từ chối hoặc trì hoãn hỗ trợ, hoặc có thể cung cấp hỗ trợ nếu được đáp ứng một số điều kiện hoặc yêu cầu nhất định.

2. Trong trường hợp một yêu cầu bị từ chối hoặc không thể được thực hiện hoàn toàn hoặc một phần, thì Cơ quan Hải quan yêu cầu sẽ sớm được thông báo về việc này và lý do từ chối.

3. Việc hỗ trợ có thể được Cơ quan Hải quan được yêu cầu trì hoãn trong trường hợp việc thực hiện yêu cầu đó sẽ làm ảnh hưởng đến một quá trình xử lý hoặc điều tra đang tiến hành. Trong trường hợp đó, Cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ bàn bạc với Cơ quan Hải quan yêu cầu để quyết định xem việc hỗ trợ có thể được thực hiện theo những yêu cầu và điều kiện do Cơ quan Hải quan được yêu cầu đưa ra hay không.

Điều 9

Tính bảo mật

1. Thông tin và các tài liệu trao đổi theo Hiệp định này chỉ có thể được sử dụng cho các mục đích đã được quy định cụ thể trong Hiệp định này, trừ trường hợp Cơ quan Hải quan được yêu cầu đồng ý bằng văn bản cho phép sử dụng vào các mục đích khác.

2. Mọi thông tin hoặc tài liệu trao đổi mà Cơ quan Hải quan của bất kỳ Bên ký kết nào nhận được, theo Hiệp định này đều được xử lý như là những thông tin mật và sẽ không được chuyển cho bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào bên ngoài Cơ quan Hải quan yêu cầu, trừ trường hợp đã được quy định trong Hiệp định này. Các quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ không được áp dụng trong các trường hợp vi phạm liên quan đến các chất ma túy và gây nghiện. Những thông tin như thế sẽ được chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền khác của Bên ký kết yêu cầu trực tiếp liên quan đến việc đấu tranh chống vận chuyển trái phép các chất ma túy. Ngoài ra, thông tin về các vi phạm liên quan đến sức khoẻ cộng đồng, an ninh xã hội hoặc bảo vệ môi trường của Bên ký kết có Cơ quan Hải quan nhận được các thông tin đó có thể được chuyển tới các cơ quan chính phủ có thẩm quyền giải quyết các vấn đề đó. Những thông tin như vậy sẽ được xử lý như là những thông tin mật và sẽ được hưởng ít nhất là cùng

một cấp độ bảo mật và bảo vệ theo quy định của pháp luật quốc gia có liên quan dành cho các thông tin tương tự có thể được áp dụng bởi Quốc gia của Bên ký kết nhận được thông tin đó.

3. Dữ liệu cá nhân chỉ được phép chuyển giao nếu mức độ bảo vệ thông tin cá nhân được pháp luật của các Bên ký kết bảo đảm ngang nhau. Các Bên sẽ bảo đảm ít nhất một mức độ bảo vệ dựa trên các nguyên tắc được đưa ra trong Phụ lục - là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

Điều 10

Chi phí

1. Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết không yêu cầu Bên ký kết kia thanh toán lại cho mình các chi phí thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này.

2. Nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ đòi hỏi chi phí lớn hoặc bất thường thì Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết phải bàn bạc với nhau để quyết định điều kiện cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ và cách thức thanh toán chi phí đó.

3. Các chi phí phát sinh từ việc hợp tác tổ chức các buổi hội thảo, các khoá đào tạo nghiệp vụ, trao đổi chuyên gia hoặc các chuyến công tác nghiên cứu, khảo sát sẽ do thoả thuận giữa các Bên ký kết.

4. Chi phí cho sự có mặt của cán bộ Cơ quan Hải quan của một Bên ký kết tại lãnh thổ của Bên ký kết kia liên quan đến Điều 6 của Hiệp định này sẽ do Bên ký kết yêu cầu chi trả.

Điều 11

Thực hiện thoả thuận

Các Cơ quan Hải quan sẽ chịu trách nhiệm thực hiện Hiệp định này và sẽ phối hợp:

1. liên lạc trực tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh từ Hiệp định này;

2. nếu cần thiết, sau khi bàn bạc có thể ban hành các chỉ thị hành chính hoặc các thủ tục để thực hiện Hiệp định;

3. đồng thuận để giải quyết bất kỳ vấn đề hoặc nghi ngờ nào phát sinh từ việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này hoặc bất kỳ vấn đề hải quan nào có thể phát sinh giữa các Bên;

4. thoả thuận gặp gỡ, nếu có một Bên yêu cầu, nhằm thảo luận về việc áp dụng các điều khoản của Hiệp định này hoặc về bất kỳ vấn đề hải quan nào phát sinh trong quan hệ của các Bên ký kết; và

5. chỉ định và thông báo cho nhau đầu mối liên lạc bao gồm một cán bộ chuyên trách và một nhân viên liên lạc chuyên trách.

Điều 12

Quan hệ với các điều ước quốc tế khác

Hiệp định này hoặc bất kỳ hành động nào thực hiện theo Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của các Bên được quy định trong bất kỳ một hiệp định quốc tế nào mà mỗi Bên ký kết là thành viên.

Điều 13

Hiệu lực, sửa đổi và huỷ bỏ

1. Hiệp định này sẽ kéo dài vô thời hạn và sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) kể từ ngày thông báo cuối cùng bằng văn bản thông qua các kênh ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Theo yêu cầu của một trong hai Cơ quan Hải quan hoặc khi kết thúc năm năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết đồng ý gặp gỡ để xem xét lại Hiệp định này hoặc thảo luận về bất kỳ vấn đề hải quan nào khác có thể nảy sinh trong mối quan hệ giữa hai Cơ quan Hải quan, trừ khi hai Cơ quan Hải quan thông báo cho nhau bằng văn bản là việc xem xét lại là không cần thiết.

3. Hiệp định này có thể được thay đổi và sửa đổi theo sự đồng thuận của hai Bên ký kết. Những thay đổi và bổ sung sẽ được thực hiện bằng các nghị định thư riêng và là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

4. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực thông qua các kênh ngoại giao. Các thủ tục đang diễn ra tại thời điểm chấm dứt hiệu lực phải được hoàn thành theo các quy định của Hiệp định này.

Để làm chứng, những người ký tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Kiev ngày 22 tháng 3 năm 2010, thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng U-crai-na và tiếng Anh, tất cả các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản bằng tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN

THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC U-CRAI-NA

IHOR PIKOVSKIY

PHÓ CHỦ TỊCH THỨ NHẤT

CƠ QUAN HẢI QUAN QUỐC GIA

PHỤ LỤC

Các nguyên tắc cơ bản trong việc bảo vệ dữ liệu

1. Dữ liệu cá nhân qua quá trình xử lý tự động sẽ:

a) được thu thập và xử lý một cách bình đẳng và phù hợp với pháp luật quốc gia của các Bên ký kết;

b) được lưu giữ cho các mục đích cụ thể và hợp pháp, và không được làm trái với các mục đích đó;

c) đầy đủ, thích hợp và không vượt quá mục đích mà dữ liệu được lưu giữ;

d) chính xác, và khi cần, phải được cập nhật những thông tin mới nhất;

e) được bảo vệ dưới hình thức cho phép việc xác định chủ thể dữ liệu không lâu hơn thời gian được yêu cầu cho mục đích mà các dữ liệu đó được lưu giữ.

2. Dữ liệu cá nhân liên quan đến sức khoẻ hay đời sống sinh lý có thể không được tự động xử lý trừ khi pháp luật trong nước quy định các biện pháp bảo vệ thích hợp. Điều này cũng được áp dụng tương tự như đối với dữ liệu cá nhân liên quan đến tội phạm hình sự.

3. Các biện pháp an ninh thoả đáng sẽ được sử dụng để bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được lưu giữ trong hồ sơ dữ liệu tự động nhằm chống sự phá hoại hay những tổn thất ngẫu nhiên, cũng như chống lại việc truy cập bất hợp pháp, sửa đổi hoặc phát tán dữ liệu.

4. Bất kỳ người nào cũng có thể:

a) lập hồ sơ cá nhân tự động, những mục đích cơ bản của việc lập hồ sơ cá nhân đó, cũng như xác định nơi cư trú hay địa chỉ công tác chủ yếu của người kiểm tra hồ sơ;

b) thu thập dữ liệu trong khoảng thời gian hợp lý và không quá chậm trễ hoặc xác nhận chi phí về việc dữ liệu cá nhân liên quan đến người đó có được lưu giữ trong hồ sơ dữ liệu tự động hay không, cũng như việc trao đổi với người đó về những dữ liệu này dưới hình thức dễ hiểu;

c) thu thập những đính chính hay vết xoá bỏ những dữ liệu này nếu chúng đã được xử lý trái với các điều khoản của pháp luật trong nước quy định về các nguyên tắc cơ bản được đưa ra tại mục 1 và 2 của Phụ lục này;

d) có biện pháp khắc phục nếu yêu cầu về trao đổi, như sẽ được hoàn cảnh quyết định, đính chính, xoá bỏ được nêu ra trong các tiểu mục b và c của mục này không được tuân thủ.

5.1 Không có ngoại lệ đối với các quy định tại mục 1, 2 và 4 của Phụ lục này, ngoài giới hạn xác định tại mục này.

5.2 Việc làm trái các quy định trong mục 1, 2 và 4 của Phụ lục này sẽ được chấp nhận khi việc làm đó được quy định trong pháp luật của các Bên và là một biện pháp cần thiết trong xã hội dân chủ, vì mục đích:

a) bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn xã hội, lãi tiền tệ quốc gia hay ngăn chặn tội phạm hình sự;

b) bảo vệ chủ thể dữ liệu hay quyền lợi và tự do của những người khác.

5.3 Những giới hạn trong việc sử dụng những quyền cụ thể trong mục 4, tiểu mục b, c và d của Phụ lục này có thể được quy định bởi pháp luật đối với hồ sơ dữ liệu cá nhân tự động được sử dụng trong công tác thống kê hay cho các mục đích nghiên cứu tại những nơi không có nguy cơ về vi phạm bảo mật dữ liệu.

6. Không một điều khoản nào của Phụ lục này được hiểu là hạn chế hoặc ảnh hưởng đến khả năng một Bên cung cấp cho chủ thể dữ liệu một biện pháp bảo vệ có phạm vi rộng hơn các biện pháp được qui định trong Phụ lục này.

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE CABINET OF MINISTERS OF UKRAINE
ON COOPERATION AND MUTUAL ADMINISTRATIVE ASSISTANCE IN CUSTOMS MATTERS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Cabinet of Ministers of Ukraine (hereinafter referred to as the "Contracting Parties");

Considering that offenses against the customs laws are prejudicial to the security and public health, as well as the economic, fiscal and commercial interests of their respective countries;

Considering the importance of assuring the accurate assessment of customs duties and other taxes on the importation and exportation of goods, the correct determination of the classification, value and origin of such goods, as well as the proper implementation of measures of prohibition, restriction and control;

Considering that illicit trafficking in narcotic drugs, psychotropic substances and precursors constitutes a danger to public health and to society;

Recognizing the need for international cooperation in matters related to the administration and enforcement of the customs laws;

Convinced that action against customs offenses can be made more effective by cooperation between their Customs Authorities;

Having regard to the Recommendation of the Customs Cooperation Council on Mutual Administrative Assistance of December 5, 1953;

Have agreed as follows:

Article 1
Definitions

For the purposes of the present Agreement:

1. "Customs laws" shall mean laws and other legal acts concerning importation, exportation, and transit of goods, or any other customs procedures, regulating collection of duties, other charges or fees or application of measures of prohibition, restriction and control by the customs Authorities.

2. "Customs Authorities" shall mean, in the Socialist Republic of Viet Nam, the General Department of Customs, and in Ukraine, the State Customs Service of Ukraine.

3. "Offense" shall mean any violation of the customs laws as well as any attempted violation thereof.

5. "Requested Customs Authority" shall mean the Customs Authority that receives a request for assistance under this Agreement or that provides such assistance on its own initiative.

6. "Information" shall mean reports, records, documents and documentation, whether computerized or not, as well as copies thereof.

7. "Official" shall mean Customs official.

8. "Person" shall mean a natural person or a legal entity.

9. "Personal data'" shall mean totality of documentary or publicy announced information about personality that can be identified in customs offence.

Article 2

Scope of Agreement

1. The Contracting Parties shall provide each other assistance in order to insure the proper application of the customs laws and the security of the trade, supply chain the accurate assessment of customs duties and taxes on the importation and exportation of goods and the correct determination of the classification, value and origin of such goods.

2. The Contracting Parties shall also assist each other in combating offenses of customs laws.

3. Assistance under this Agreement shall be provided by the Customs Authorities of the Contracting Parties and within the limits of its Customs Authority's competence and available resources.

4. Assistance under this Agreement shall be provided in accordance with the national law of the State of the requested Contracting Party.

5. The provisions of this Agreement are intended solely to provide for mutual administrative assistance in customs matters between the Contracting Parties.

6. Assistance pursuant to this Agreement shall not include the arrest or detention of persons nor the collection or forced collection of customs duties, other taxes, fines, etc.

Article 3

Special instances of assistance

1. Upon request and in accordance with the national law of the requested Contracting Party, the Customs Authorities shall inform each other whether goods exported from or imported into the customs territory of one Contracting Party have been lawfully imported into or exported from the customs territory of the other Contracting Party. This information shall, upon request, contain the customs procedure used for clearing the goods.

2. To the extent of its competence and in accordance with the national law of the State of the requested Party, the requested Customs Authority, either upon request or on its own initiative and subject to the subsequent written confirmation of the

requesting Customs Authority, shall exercise special inspection and supervision over and provide information on:

a) means of transportation suspected of being used in the commitment of offenses against of customs law in the customs territory of the requesting Party;

b) goods designated by the requesting Customs Authority as being the subject of an extensive illegal trade destined for the customs territory of the requesting Contracting Party;

c) particular persons known to be or suspected of being engaged in the commitment of a customs offense in the customs territory of the requesting Contracting Party;

d) particular places where stocks of goods have been built up, giving reason to assume that they are to be used for illegal importation into the customs territory of the requesting Contracting Party.

3. The Customs Authorities of the Contracting Parties shall, in accordance with the national law of the State of the requested Contracting Party, furnish each other any necessary information likely to be of use to the requesting Customs Authority, regarding acts related to offenses that have been committed or are expected to be committed within the customs territory of the other Contracting Party. In cases which could involve narcotic drugs, psychotropic substances and precursors or which could cause substantial damage to the economy, public health, security or any other vital interest of the other Contracting Party, such information shall be supplied, whenever possible, without being requested.

Article 4

Professional and technical cooperation and assistance

1. The Customs Authorities of the Contracting Parties, on their own initiative or upon request, shall provide each other with information regarding:

a) enforcement actions that might be useful in preventing offenses and, in particular, special means of combating offenses;

b) new trends, methods used in committing offenses;

c) goods known to be the subject of the customs offences, as well as transport and storage methods used in respect of those goods;

d) persons known to have committed a customs offence or suspected of being about to commit a customs offence;

e) any other data that could assist Customs Authorities with risk assessment for control and facilitation purposes;

f) instances where the requesting Customs Authority has reason to doubt the information supplied by the person concerned in the Customs matter;

g) observations and findings resulting from the successful application of new enforcement aids and techniques;

h) techniques and improved methods of processing passengers and cargo; and

i) information on their respective customs laws.

2. The Contracting Parties, through their respective Customs Authorities, shall seek to cooperate in:

a) initiating, developing or improving specific training programs for their personnel;

b) establishing and maintaining channels of communication between their Customs Authorities to facilitate the secure and rapid exchange of information;

c) facilitating effective coordination between their Customs Authorities including the exchange of personnel, experts and the posting of liaison officers;

d) the consideration and testing of new equipment and procedures;

e) the simplification and harmonization of their respective customs procedures; and

f) any other general administrative matters that may, from time to time, require their joint action.

Article 5

Communication of requests

1. Requests pursuant to the present Agreement shall be made in writing. Documents that may be of help in the execution of such requests shall, when available, accompany them. When required, because of the urgency of the situation, oral requests may also be accepted, but they shall be promptly confirmed in writing.

2. Requests pursuant to Paragraph 1 of this Article shall include the following information:

a) the authority making the request;

b) the nature of the proceedings;

c) the assistance sought, the object of and the reason for the request;

d) the names and addresses of the parties involved in the request, if known;

e) a brief description of the matter under consideration and the legal elements involved, and

f) the connection between the assistance sought and the matter to which it relates.

3. All requests and supporting documents shall be submitted in the English language or in an official language of the requested Customs or in a language accepted to both Authorities.

4. If a request does not meet the formal requirements as per Paragraph 2 of this Article, its correction or completion may be requested. The ordering of precautionary measures need not be affected thereby.

5. Assistance shall be carried out by direct communication between the respective Customs Authorities.

Article 6

Execution of requests

1. The requested Customs Authority shall take all reasonable measures to execute a request as soon as possible.

2. If the requested Customs Authority does not have the information requested, it shall take any necessary measures to obtain such information. If necessary, the requested Customs Authority may be assisted by another competent authority of the requested Contracting Party in providing the assistance. However, answers to requests shall be conveyed solely by the requested Customs Authority.

3. In cases where the requested Customs Authority is not the competent authority to comply with a request, it shall either promptly transmit the request to the competent authority, which shall act upon the request according to its powers under the national law of the State of the requested Contracting Party, or advise the requesting Customs Authority of the appropriate procedure to be followed regarding such a request.

4. The Customs Authority of either Party shall, upon the request of the Customs Authority of the other Contracting Party, conduct any necessary activity, including the questioning of experts, and undertake verifications, inspections and fact-finding inquiries in connection with the matters referred to in this Agreement. The results of such, verifications, inspections and fact-finding inquiries shall be communicated as soon as possible to the requesting Customs Authority.

5. Customs officials of one Contracting Party may present on the territory of the other Contracting Party upon official invitation.

Article 7

Files and documents

1. The Customs Authorities of the Contracting Parties shall, upon request and in accordance with the internal law of the requested Contracting Party, provide information relating to the transportation and shipment of goods showing the value, origin, disposition and destination of those goods.

2. The requested Customs Authority shall supply, together with the information provided, all necessary instructions for its interpretation or utilization.

Article 8

Exemptions from assistance

1. In cases where the Customs Authority of the requested Party is of the opinion that the provision of assistance under this Agreement would infringe upon its sovereignty, security, public policy, or any other substantive national interest, or involve the violation of a state or another secret protected by law, the assistance may be refused or postponed, or compliance may be conditioned upon the

satisfaction of certain conditions or requirements.

2. In the event that a request is refused or cannot be complied with in full or in part, the requesting Customs Authority shall be promptly notified of the fact and informed of the reasons thereof.

3. Assistance may be postponed by the requested Customs Authority on the ground that it will interfere with an ongoing investigation or proceeding. In such a case, the requested Customs Authority shall consult with requesting Customs Authority to determine if assistance can be given subject to such terms or conditions as the requested Customs Authority may require.

Article 9
Confidentiality

1. Information and other communications received pursuant to this Agreement may be used only for the purposes specified therein, except if the requested Customs Authority has given its written consent for such use.

2. Any information or other communications received by the Customs Authority of either Contracting Party, pursuant to this Agreement, shall be treated as confidential and shall not be communicated to any person or entity outside the requesting Customs Authority that received them, except as provided for in this Agreement. The provisions of Paragraph 2 of this Article shall not apply to cases concerning offenses relating to narcotic drugs and psychotropic substances. Such information may be communicated to other authorities in the requesting Contracting Party directly involved in combating illicit drug traffic. In addition, information on offenses relating to the public health, public security or environmental protection of the Contracting Party whose Customs Authority received the information may be conveyed to the competent governmental authorities which deal with such matters. Such information shall be treated as confidential and shall enjoy at least the same level of confidentiality and protection extended under the relevant national legislation relating to the same kind of information applicable by the State of the Contracting Party, which received it.

3. Personal data may only be transmitted if the level of personal data protection afforded by the legislation of the Contracting Parties is equivalent. The Contracting Parties shall ensure at least a level of protection based on the principles laid down in the Annex to this Agreement, which is integral part of this Agreement.

Article 10
Costs

1. The Customs Authorities of the Contracting Parties shall not ask other Contracting Party for the reimbursement of normal costs incurred in the execution of this Agreement.

2. If expenses required to execute a request are unusual or too high, the

Customs Authorities of the Contracting Parties shall consult to determine the terms and conditions under which the request will be carried out, as well as the manner in which the costs shall be borne.

3. Expenses arising from cooperation in organizing seminars, technical training courses, exchanging experts or missions on study visit shall be subject to special arrangements by the two Contracting Parties.

4. Expenses arising from the presence of officials of the Customs Authority of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party referred to in Article 6 of the present Agreement shall be borne by requesting Contracting Party.

Article 11

Implementation of the Agreement

The Customs Authorities shall be responsible for the implementation of this Agreement. They shall, inter-alia:

1. communicate directly for the purpose of dealing with matters arising out of this Agreement;

2. after consultation, if necessary, issue any administrative directives or agreed upon procedures for the implementation of this Agreement;

3. endeavor by mutual accord to resolve any problems or doubts arising from the interpretation or the application of this Agreement or any other customs matters which may arise between them;

4. agree to meet, if one of them so requests, in order to discuss the application of the provisions of this Agreement or to discuss any other customs matters arising out of the relationship between them; and

5. for implementation of this Agreement assign contact official and inform each other about them.

Article 12

Relationship with other international instruments

The Agreement or any actions taken thereto shall not affect the rights and obligations of the Contracting Parties under any existing international agreements to which either Contracting Party is also Party.

Article 13

Entry into force, amendment and termination

1. This Agreement shall be concluded for an indefinite period of time and shall enter into force on the thirtieth (30th) day from the date of the last notification of the Contracting Parties in writing through diplomatic channels of the completion of

its internal legal procedures required for the entry into force of this Agreement.

2. The Customs Authorities of the Contracting Parties agree to meet in order to review this Agreement or to discuss any other customs matters which may arise out of the relationship between them, upon the request of one of the Customs Authorities or at the end of five years from the date of its entry into force, unless they notify one another in writing that no such review is necessary.

3. This Agreement may be changed and amended by mutual consent of both Contracting Parties. Changes and amendments shall be arranged by separate protocols, which shall be an integral part of this Agreement.

4. Either Contracting Party may terminate this Agreement at any given time. The termination shall take effect six (6) months from the date on which either Contracting Party shall have given written notice of termination through diplomatic channels to the other Contracting Party. Ongoing proceedings at the time of termination shall nevertheless be completed according to the provisions of this Agreement.

IN WITNESS THEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective governments, have signed this Agreement.

Done at Kyiv on the 22 day of March 2010 in duplicate in the Vietnamese, Ukrainian and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

MR. DO HOANG ANH TUAN
VICE MINISTER OF FINANCE

FOR THE CABINET OF MINISTERS OF UKRAINE

MR. IHOR PIKOVSKIY
FIRST DEPUTY CHAIRMAN OF THE STATE CUSTOMS SERVICE OF UKRAINE

ANNEX
BASIC PRINCIPLES OF DATA PROTECTION

1. Personal data undergoing automatic processing shall be:

a) obtained and processed fairy and according to the national law of the Contracting Parties;

b) stored for specified and legitimate purposed and not used in a way incompatible with those purposes;

c) adequate, relevant and not excessive in relation to the purposes for which they are stored;

d) accurate and, where necessary, kept up to date;

e) preserved in a form which permits identification of the data subjects for no longer than is required for the purpose for which those data are stored.

2. Personal data concerning health or sexual life, may not be processed automatically unless domestic law provides appropriate safeguards. The same shall apply to personal data relating to criminal conviction.

3. Appropriate security measures shall be taken for the protection of personal data stored in automated data files against unauthorized destruction or accidental loss as well as against unauthorized access, alteration or dissemination.

4. Any person shall be enabled:

a) to establish the existence of an automated personal data files, its main purposes, as well as the identity of habitual residence or principal place of business of the controller of the file;

b) to obtain at reasonable intervals and without excessive delay or expense confirmation of whether personal data relating to him are stored in the automated data file as well as communication to him of such data in an intelligible form;

c) to obtain, as the case may be, rectification or erasure of such data if they have been processed contrary to the provisions of domestic law giving effect to the basic principles set out under paragraphs 1 and 2 of this Annex;

d) to have remedy if a request for communication or, as the case may be, communication, rectification or erasure as referred to in subparagraphs b and c of this paragraph is not complied with.

5.1 No exception to the provisions under paragraphs 1. 2 and 4 of this Annex shall be allowed except within the limits defined in this paragraph.

5.2 Derogation from the provisions under paragraphs 1, 2 and 4 of this Annex shall be allowed when such derogation is provided for by the law of the State of the Contracting Party and constitutes a necessary measure in a democratic society in the interest of:

a) protecting State security, public safety, the monetary interests of the State or the suppression of criminal offences;

b) protecting the data subject or the rights and freedoms of others.

5.3 Restrictions on the exercise of the rights specified in paragraph 4, subparagraphs b, c and d of this Annex, may be provided by law with respect to automated personal data files used for statistics or for scientific research purposes where there is obviously no risk of an infringement of the privacy of the data subjects.

6. None of the provisions of this Annex shall be interpreted as limiting or otherwise affecting the possibility for a Contracting Party to grant data subjects a wider measure of protection than that stipulated in this Annex.

УГОДА
МІЖ УРЯДОМ СОЦІАЛІСТИЧНОЇ РЕСПУБЛІКИ В'ЄТНАМ
ТА
КАБІНЕТОМ МІНІСТРІВ УКРАЇНИ
ПРО СПІВРОБІТНИЦТВО ТА ВЗАЄМНУ АДМІНІСТРАТИВНУ ДОПОМОГУ В МИТНИХ СПРАВАХ

Уряд Соціалістичної Республіки В'єтнам та Кабінет Міністрів України, далі — "Договірні Сторони",

визнаючи, що порушення митного законодавства завдають шкоди безпеці та здоров'ю населення, а також економічним, фіскальним і комерційним інтересам їхніх країн;

враховуючи важливість забезпечення правильного нарахування мита та інших податків, що стягуються під час імпорту та експорту товарів, а також правильного визначення класифікаційного коду, вартості та країни походження товарів та належного застосування засобів заборони, обмежень і контролю;

враховуючи, що незаконне переміщення наркотичних засобів, психотропних речовин і прекурсорів становить небезпеку для здоров'я населення та для суспільства в цілому;

визнаючи необхідність міжнародного співробітництва з питань, що стосуються застосування і дотримання митного законодавства;

визнаючи, що боротьба з порушеннями митного законодавства може бути більш ефективною завдяки співробітництву між їхніми митними органами;

посилаючись на Рекомендацію Ради митного співробітництва про взаємну адміністративну допомогу від 5 грудня 1953 року;

домовились про таке:

Стаття 1

ВИЗНАЧЕННЯ ТЕРМІНІВ

Для цілей цієї Угоди:

1. «Митне законодавство» означає закони та інші нормативно-правові акти щодо імпорту, експорту і транзиту товарів або будь-яких інших митних процедур, які регламентують стягування мита, інших податків або зборів, або застосування митними органами засобів заборон, обмежень і контролю.

2. «Митний орган» означає в Соціалістичній Республіці В'єтнам - Генеральний департамент митної служби та в Україні - Державну митну службу України.

3. «Порушення» означає будь-яке порушення митного законодавства, а також будь-яку спробу порушення митного законодавства.

4. «Митний орган, що запитує» означає митний орган, який робить запит про допомогу згідно з цією Угодою або отримує таку допомогу за власною ініціативою митного органу.

5. «Запитуваний митний орган» означає митний орган, який отримує запит про допомогу згідно з цією Угодою або надає таку допомогу за власною ініціативою.

6. «Інформація» означає звіти, записи, документи та документацію в електронній або паперовій формі, а також їх копії.

7. «Посадова особа» означає посадову особу митного органу.

8. «Особа» означає фізичну або юридичну особу.

9. «Персональні дані» означають сукупність документованих або публічно оголошених відомостей, за якими здійснюється ідентифікація особи у зв'язку з митним порушенням.

Стаття 2

СФЕРА ЗАСТОСУВАННЯ УГОДИ

1. Договірні Сторони надають одна одній допомогу з метою забезпечення належного застосування митного законодавства та безпеки торгівлі, ланцюга постачання, правильного нарахування мита та податків під час імпорту та експорту товарів, а також правильного визначення класифікаційного коду, вартості та країни походження таких товарів.

2. Договірні Сторони також надають одна одній допомогу у боротьбі з порушеннями митного законодавства.

3. Допомога за цією Угодою надається митними органами Договірних Сторін у межах їх компетенції та наявних ресурсів.

4. Допомога за цією Угодою надається відповідно до національного законодавства держави запитуваної Договірної Сторони.

5. Положення цієї Угоди застосовуються виключно для надання взаємної адміністративної допомоги у митних справах між Договірними Сторонами.

6. Допомога за цією Угодою не включає арешт або затримання осіб, а також стягування або примусового стягування мита, інших податків, зборів та ін.

Стаття 3

ОКРЕМІ ВИПАДКИ ДОПОМОГИ

1. На запит та відповідно до національного законодавства запитуваної Договірної Сторони, митні органи надають один одному інформацію про те, чи були товари, вивезені або ввезені на митну територію однієї з Договірних Сторін, законно ввезені з та / або вивезені з митної території іншої Договірної Сторони. Згідно із запитом така інформація може характеризувати митні процедури, які застосовувались до товарів при митному оформленні.

2. Запитуваний митний орган, у межах своєї компетенції та відповідно до національного законодавства держави запитуваної Сторони, за запитом, або за власною ініціативою стосовно питання, яке надалі письмово підтверджується митним органом, що запитує, проводить спеціальне обстеження, нагляд і надає інформацію щодо:

a) транспортних засобів, щодо яких є підстави вважати, що вони використовуються для вчинення порушень на митній території Договірної Сторони, що запитує;

b) товарів, визначених митним органом, що запитує, як предмет розповсюдженої незаконної торгівлі, і такими, що призначаються для митної території Договірної Сторони, що запитує;

c) окремих осіб, щодо яких існують підстави вважати, що вони залучені або підозрюються у залученні до вчинення порушень митного законодавства на митній території Договірної Сторони, що запитує;

b) окремих місць, де формуються партії товарів, якщо є підстави вважати, що вони використовуються для незаконного ввезення на митну територію Договірної Сторони, що запитує.

3. Митні органи Договірних Сторін відповідно до національного законодавства держави запитуваної Договірної Сторони, надають один одному будь-яку необхідну інформацію, яка може бути корисною для Договірної Сторони, що запитує, посилаючись на акти, пов'язані з

порушеннями вже вчиненими або такими, що, як очікується, будуть вчинені на митній території іншої Договірної Сторони. У випадках, що стосуються наркотичних засобів, психотропних речовин і прекурсорів або які можуть завдати істотної шкоди економіці, здоров'ю населення, безпеці або іншим життєво важливим інтересам іншої Договірної Сторони, така інформація повинна надаватись при першій можливості і без запиту.

Стаття 4

ПРОФЕСІЙНЕ Й ТЕХНІЧНЕ СПІВРОБІТНИЦТВО ТА ДОПОМОГА

1. Митні органи Договірних Сторін, за власною ініціативою або за запитом, надають один одному інформацію щодо:

a) примусових заходів, які можуть бути корисними у попередженні порушень та, зокрема, особливих засобів боротьби з порушеннями;

b) нових способів та методів вчинення порушень;

c) товарів, відомих як предмети митних правопорушень, а також транспорт та методи зберігання, що використовувались по відношенню до цих товарів;

d) осіб, стосовно яких відомо, що вони вчинили митне правопорушення або підозрюються у підготовці до вчинення митного правопорушення;

e) будь-яких інших даних, що можуть допомогти митним органам в аналізі ризиків для цілей контролю і спрощення;

f) випадків, коли митний орган, що запитує, має причини сумніватись в інформації, наданої особою, причетною до митних справ;

g) зауважень та висновків, що випливають з успішного застосування нових засобів і методів контролю;

h) технологій і вдосконалених методів митного оформлення пасажирів та вантажів та

i) їх відповідного митного законодавства.

2. Договірні Сторони через свої митні органи будуть прагнути до співробітництва у частині:

a) ініціювання, розвитку та вдосконалення спеціальних навчальних програм для свого персоналу;

b) створення і підтримання каналів зв'язку між їх митними органами з метою прискорення обміну інформацією та її захисту;

c) забезпечення ефективної координації дій їх митних органів, у тому числі, обміну персоналом, експертами і призначення офіцерів зв'язку;

d) обрання і випробування нового обладнання та процедур;

e) спрощення і гармонізації відповідних митних процедур та

f) інших адміністративних заходів, які час від часу можуть потребувати їхніх спільних дій.

Стаття 5

ПЕРЕДАННЯ ЗАПИТІВ

1. Запити відповідно до цієї Угоди складаються у письмовому вигляді. Документи, необхідні для виконання таких запитів, повинні, при можливості, додаватись до них. У випадках, що не терплять зволікання, можуть прийматись запити в усній формі, але вони повинні невідкладно підтверджуватись письмово.

2. Запити згідно з частиною 1 цієї статті мають містити таку інформацію:

a) назву митного органу, що запитує;

b) суть справи;

c) запитувану допомогу, об'єкт запиту та підставу для нього;

d) назви та адреси учасників справи, якщо такі відомі;

e) стислий виклад фактів справи, що розглядається, та правові норми, що мають до неї відношення;

f) зв'язок між запитуваною допомогою та справою, до якої вона відноситься.

3. Усі запити і додаткові документи подаються офіційною мовою запитуваного митного органу, англійською або іншою мовою, прийнятною для обох органів.

4. Якщо запит не відповідає формальним вимогам, визначеним в частині 2 цієї статті, то може бути висунута вимога щодо його зміни або доповнення. Це положення не розповсюджується на вжиття попереджувальних заходів.

5. Допомога надається шляхом прямого зв'язку між відповідними митними органами Договірних Сторін.

Стаття 6

ВИКОНАННЯ ЗАПИТІВ

1. Запитуваний орган вживає усіх необхідних заходів для виконання запиту у максимально стислі строки.

2. Якщо запитуваний митний орган не має інформації, що стала предметом запиту, він повинен вжити усіх необхідних заходів для отримання такої інформації. Якщо необхідно, запитуваний митний орган може залучати для надання допомоги інші компетентні органи запитуваної Договірної Сторони. Проте, відповіді на запити повідомляються виключно запитуваним митним органом.

3. У випадках, коли запитуваний митний орган не є органом, до компетенції якого належить виконання запиту, він або невідкладно передає запит компетентному органу, який розглядає запит відповідно до компетенції, визначеній відповідно до національного законодавства держави запитуваної Договірної Сторони, або рекомендує митному органу, що запитує, належну процедуру, якої слід дотримуватись у випадку такого запиту.

4. Митний орган однієї Сторони на запит митного органу іншої Договірної Сторони проводить усі необхідні дії, включаючи опитування експертів, а також здійснює верифікацію, інспектування та встановлення фактів у зв'язку з питаннями, зазначеними в цій Угоді. Результати таких розслідувань, встановлення фактів, верифікацій та інспекцій передаються митному органу, що запитує, у максимально стислі строки.

5. Посадові особи митного органу однієї Договірної Сторони за офіційним запрошенням можуть знаходитись на території іншої Договірної Сторони.

Стаття 7

СПРАВИ ТА ДОКУМЕНТИ

1. Митні органи Договірних Сторін на запит і відповідно до національного законодавства держави запитуваної Договірної Сторони надають інформацію щодо перевезень та відвантажень товарів, зазначеної вартості, походження, розташування і призначення таких товарів.

2. Запитуваний митний орган додає до наданої інформації усі необхідні для її розуміння і використання інструкції.

Стаття 8

ЗВІЛЬНЕННЯ ВІД ЗОБОВ'ЯЗАНЬ ЩОДО НАДАННЯ ДОПОМОГИ

1. Якщо запитуваний митний орган вважає, що виконання запиту може заподіяти шкоди суверенітету, безпеці, громадському порядку його держави чи іншим суттєвим національним інтересам, або потягти за собою розголошення державної або іншої захищеної законом таємниці, у такій допомозі може бути відмовлено в цілому або частково, або допомога може бути подана за додержання деяких умов або вимог.

2. У разі відмови від виконання запиту повністю або частково, рішення про це та причини відмови повинні бути без затримки повідомлені органу, що запитує.

3. Запитуваний митний орган може відкласти надання допомоги на тій підставі, що надання такої інформації заважатиме розслідуванню, що здійснюється або розгляду справи. У такому випадку запитуваний митний орган консультується з митним органом, що запитує, щодо визначення, чи може допомога надаватись за тих умов і у термін, яких може вимагати митний орган, що запитує.

Стаття 9

КОНФІДЕНЦІЙНІСТЬ

1. Інформація та інші повідомлення, отримані за цією Угодою, можуть використовуватись лише для цілей, визначених у цій Угоді, за винятком, коли запитуваний митний орган надав письмову згоду на таке використання.

2. Будь-яка інформація та інші повідомлення, отримані митним органом однієї з Договірних Сторін відповідно до цієї Угоди, розцінюються як конфіденційні і не повинні передаватись жодним особам чи організаціям за межами митного органу, що запитує, що їх отримав, крім випадків, визначених в цій Угоді. Положення частини 2 цієї статті не застосовуються до справ, що мають відношення до наркотичних засобів та психотропних речовин. Така інформація може передаватись іншим органам Договірної Сторони, що запитує, які безпосередньо беруть участь у боротьбі з незаконним обігом наркотиків. Крім того, інформація щодо порушень, які мають відношення до здоров'я населення, громадської безпеки або захисту

навколишнього природного середовища Договірної Сторони, чий митний орган отримав цю інформацію, може передаватись її державним органам, компетентним у цих галузях. Така інформація вважається конфіденційною і повинна мати принаймні такий самий ступень конфіденційності й захисту, який має аналогічна інформація відповідно до національного законодавства держави Договірної Сторони, в якій вона отримана.

3. Персональні дані передаються лише тоді, коли рівень захисту персональних даних, передбачений законодавством Договірних Сторін, є еквівалентним. Договірні Сторони забезпечують принаймні такий рівень захисту, як передбачено у Додатку до цієї Угоди, який є невід'ємною частиною цієї Угоди.

Стаття 10

ВИТРАТИ

1. Митні органи Договірних Сторін не повинні пред'являти претензії щодо відшкодування звичайних витрат, понесених у зв'язку з виконанням цієї Угоди, до іншої Договірної Сторони.

2. Якщо виконання запиту потребує або потребуватиме суттєвих чи надзвичайних витрат, митні органи Договірних Сторін консультуються щодо визначення умов і термінів виконання запиту, а також засобів відшкодування витрат.

3. Витрати, що випливають із співпраці щодо організації семінарів, тренінгів, обміну експертами чи навчальних візитів, повинні бути окремо врегульовані Договірними Сторонами.

4. Витрати, що випливають із присутності посадових осіб митного органу однієї з Договірних Сторін на території іншої Договірної Сторони відповідно до положень статті 6 цієї Угоди, повинні відшкодовуватись Договірною Стороною, що запитує.

Стаття 11

ВИКОНАННЯ УГОДИ

1. За виконання цієї Угоди відповідають митні органи. Між іншим, вони:

1) зв'язуються безпосередньо з метою вирішення питань, що випливають з цієї Угоди;

2) на основі консультацій за необхідності видають відомчі нормативно-правові акти про погодження щодо процедур виконання цієї Угоди;

3) за взаємною згодою здійснюють заходи з метою вирішення будь-яких проблем або розбіжностей у тлумаченні або застосуванні цієї Угоди, а також інших митних питань, що виникають між ними;

4) за вимогою одного з них, погоджуються зустрітись з метою обговорення застосування положень цієї Угоди або інших митних питань, що виникають між ними та

5) з метою реалізації положень цієї Угоди, спеціально призначають контактних осіб та інформують про них один одного.

Стаття 12

СПІВРОБІТНИЦТВО В РАМКАХ ІНШИХ МІЖНАРОДНИХ ЗОБОВ'ЯЗАНЬ

Ані ця Угода, ані жодний захід, вжитий на її виконання, не впливають на права і обов'язки Договірних Сторін за існуючими міжнародними договорами, в яких вони також виступають Договірними Сторонами.

Стаття 13

НАБУТТЯ ЧИННОСТІ, ВНЕСЕННЯ ЗМІН І ПРИПИНЕННЯ ДІЇ УГОДИ

1. Ця Угода укладається на невизначений термін і набирає чинності через тридцять (30) днів після дати отримання дипломатичними каналами будь-якою з Договірних Сторін останнього повідомлення про виконання ними внутрішньодержавних процедур, необхідних для набрання Угодою чинності.

2. Митні органи Договірних Сторін погоджуються зустрічатись з метою перегляду цієї Угоди та обговорення інших митних питань, що випливають із взаємовідносин між ними, на запит одного з митних органів або через п'ять років з дати набрання нею чинності, якщо вони не

повідомлять один одного у письмовій формі, що у такому перегляді немає потреби.

3. За взаємною згодою обох Договірних Сторін до цієї Угоди можуть бути внесені зміни і доповнення. Зміни та доповнення оформляються відповідними протоколами, які є невід'ємною частиною цієї Угоди.

4. Будь-яка Договірна Сторона може припинити цю Угоду у будь-який час. Дія цієї Угоди буде припинена через шість (6) місяців з дати отримання однією з Договірних Сторін письмового повідомлення про припинення дії Угоди іншою Договірною Стороною. Будь-які процедури у період припинення дії Угоди при цьому будуть виконуватись згідно з її положеннями.

На посвідчення чого, ті, що підписались нижче, та належним чином уповноважені відповідними Урядами особи підписали цю Угоду.

Вчинено в м. Києві 22 березня 2010 року у двох примірниках, кожний в'єтнамською, українською та англійською мовами, при цьому всі тексти є автентичними. У разі виникнення розбіжностей при тлумаченні положень цієї Угоди перевага надається тексту англійською мовою.

За Уряд Соціалістичної Республіки В'єтнам

Пан До Хоанг Ань Туан
заступник Міністра фінансів

За Кабінет Міністрів України

Пан Ігор Пиковський
перший заступник Голови Державної митної служби України

ДОДАТОК

ОСНОВНІ ПРИНЦИПИ ЗАХИСТУ ДАНИХ

1. Персональні дані, які зазнають автоматичної обробки, повинні:

a) одержуватись і оброблятись неупереджено та відповідно до законодавства держав Договірних Сторін;

b) зберігатись для конкретних і законних цілей і не використовуватись у спосіб, несумісний з такими цілями;

c) бути достатніми, пов'язаними і не надмірними відносно цілей, задля яких вони зберігаються;

d) бути точними і, коли необхідно, оновлюватись;

e) зберігатись у формі, яка дозволяє ідентифікацію суб'єктів даних, не довше ніж вимагається для цілей, задля яких вони зберігаються.

2. Персональні дані відносно здоров'я або статевого життя не можуть оброблятись автоматично, якщо національне законодавство не забезпечує відповідних гарантій. Те ж саме застосовується до персональних даних, які мають відношення до засуджень у порядку кримінального судочинства.

3. Для захисту персональних даних, які зберігаються в автоматизованих файлах даних, має бути вжито відповідних запобіжних заходів проти неавторизованого знищення або випадкової втрати, а також проти неавторизованого доступу, зміни або розповсюдження.

4. Будь-яка особа має право:

a) установити наявність автоматизованого особистого файлу даних, головних цілей, а також ідентичності і постійного місця проживання або головного місцезнаходження підприємства оператора файла;

b) одержувати через відповідні проміжки часу і без надмірної затримки або витрат підтвердження чи зберігаються особисті дані щодо неї в автоматизованому файлі даних, а також повідомлення її про такі дані у зрозумілій формі;

c) добиватись, залежно від обставин, виправлення або знищення таких даних, якщо вони були оброблені з порушенням національного законодавства, яке вводить в дію основні принципи, встановлені у пунктах 1 і 2 цього Додатку;

d) мати судовий спосіб захисту прав, якщо запит про надання інформації або, в залежності від обставин, сповіщення, виправлення або знищення, як зазначено у підпунктах b і c цього пункту не виконуються.

5.1. Не допускається жодних винятків з положень, викладених у пунктах 1, 2 і 4 цього Додатку, за винятком обмежень, визначених в цьому пункті.

5.2. Часткова відміна положень пунктів 1, 2 і 4 цього Додатку допускається, коли така часткова відміна передбачена законодавством держави Договірної Сторони та містить необхідний захід в демократичному суспільстві для:

a) захисту державної і громадської безпеки, фінансових інтересів держави або боротьби зі злочинами;

b) захисту суб'єкта даних або прав і свобод інших осіб.

5.3 Обмеження на використання прав, зазначених у пункті 4, підпунктах b, c і d цього Додатку, можуть бути передбачені законодавством щодо автоматизованих персональних файлів даних, які використовуються для статистичних або науково-дослідних цілей, де очевидно не існує ризику порушення приватності суб'єкта даних.

6. Жодне з положень цього Додатку не повинно тлумачитись як обмежувальне або таке, що іншим чином впливає на можливість Договірної Сторони надати суб'єктам даних більш широкий ступінь захисту, ніж обумовлено в цьому Додатку.